| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRIỆU PHONG**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 04/2019/DS-ST
Ngày 20-6-2019
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Q với bà Nguyễn Thị S".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Linh và bà Lê Thị Thúy Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 11/6/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Q, sinh 1973; Nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 2, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh 1975; Nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Sử Ngọc K, sinh 1975 (chồng bà S); Nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày: Do quen biết nhau nên ngày 01/10/2018 bà Phan Thị Q có cho bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975, trú tại: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vay hai lần với tổng số tiền 162.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 25/12/2018 bà S sẽ trả lại cho bà Q số nợ nói trên. Tuy nhiên, khi đến hẹn trả nợ, bà Q đã nhiều lần đến nhà bà S đòi nợ nhưng bà S chỉ hứa hẹn và không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Sử Ngọc K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Sử Ngọc K (là chồng của bà S) đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đến phiên tòa xét xử nhưng bà S, ông K vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án vào ngày 13/3/2019, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho phía bị đơn bà Nguyễn Thị S, tuy nhiên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án, bà S không có bản trình bày ý kiến của mình. Ngày 11/4/2019, Tòa án đưa ông Sử Ngọc K là chồng bà S vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà S, ông K đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà S, ông K vắng mặt không có lý do. Ngày 28/5/2019, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa ngày 11/6/2019 nhưng bà S, ông K vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 20/ 6/ 2019. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị S, ông Sử Ngọc K đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q đối với khoản nợ: Căn cứ giấy mượn tiền do bà Q cung cấp để khởi kiện bà Nguyễn Thị S, đây là giấy tờ được các bên viết tay ghi nội dung mượn tiền giữa bà S và bà Q nên quan hệ dân sự giữa bà Phan Thị Q và bà Nguyễn Thị S xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Theo nội dung giấy mượn tiền thứ nhất thể hiện bà S có mượn của bà Quy số tiền 149.000.000 đồng và giấy mượn tiền thứ hai thể hiện tiền nợ là 13.000.000 đồng; cả hai giấy mượn tiền có chữ ký của bà S. Quá trình giải quyết vụ án, bà S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc bà Q khởi kiện số tiền 162.000.000 đồng nhưng bà S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q với số tiền gốc 162.000.000 đồng. Riêng đối với khoản tiền lãi bà Phan Thị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì bà Nguyễn Thị S và ông Sử Ngọc K có quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, theo giấy mượn tiền thể hiện thì chỉ có bà S ký vào giấy mượn tiền; bà Q cũng trình bày chỉ bà S là người trực tiếp đến mượn tiền của bà Q và bà Q chỉ yêu cầu bà S trả tiền. Ông Sử Ngọc K là chồng của bà S nhưng không ký vào giấy mượn tiền. Hơn nữa, trong giấy mượn tiền cũng không thể hiện bà S mượn tiền để sử dụng vào mục đích gì. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình thì : "Vợ,

chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng như cầu thiết yếu của gia đình". Đối chiếu với trường hợp này, bà S mượn tiền với số lượng lớn, bà S không chứng minh mục đích mượn tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà S, ông K nên trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị Q thuộc về bà Nguyễn Thị S.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q. Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phan Thị Q số tiền gốc là 162.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị S phải chịu 8.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (162.000.000 đồng x 5%)

Bà Phan Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q. Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Phan Thị Q số tiền gốc 162.000.000 đồng *(một trăm sáu mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 8.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.050.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004413 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VT.

**Phan Hồng Phước**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**